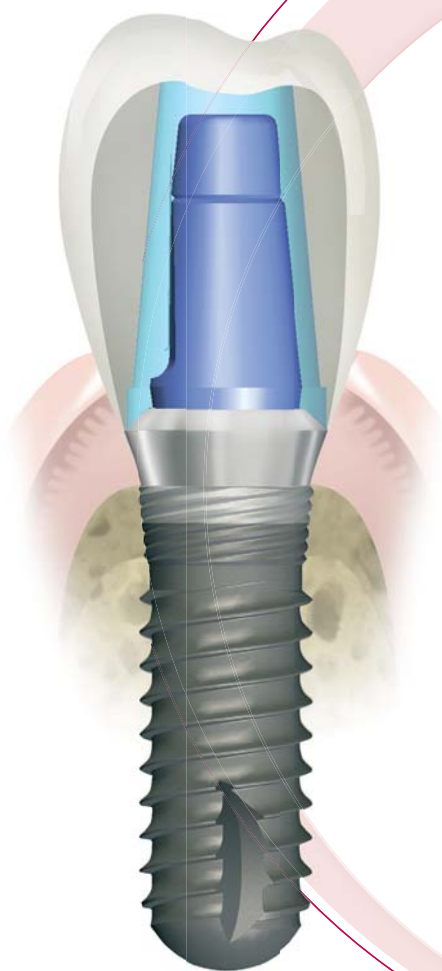


PHỤC HÌNH DÁN CEMENT trên solid abutment



RP

WP

- ▶ PHỤC HÌNH MỘT ĐƠN VỊ
- ▶ PHỤC HÌNH NHIỀU ĐƠN VỊ

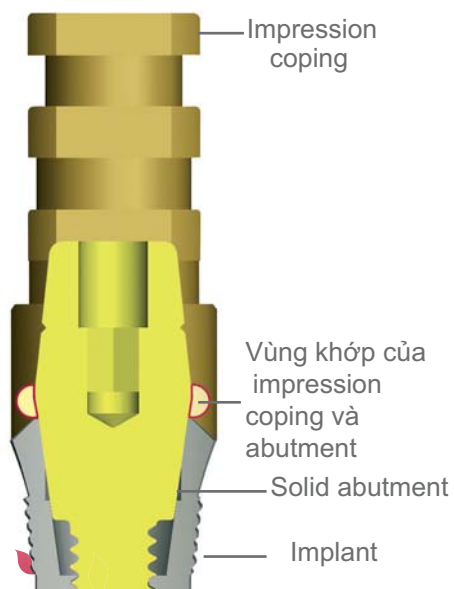
Dùng solid abutment sẽ làm cho quá trình dễ dàng và thuận lợi giống như làm phục hình trên implant – core. Abutment với nhiều chiều cao khác nhau, hạn chế sự mài chỉnh để đảm bảo độ chính xác khi lấy dấu.

QUY TRÌNH CẮM IMPLANT AN TOÀN

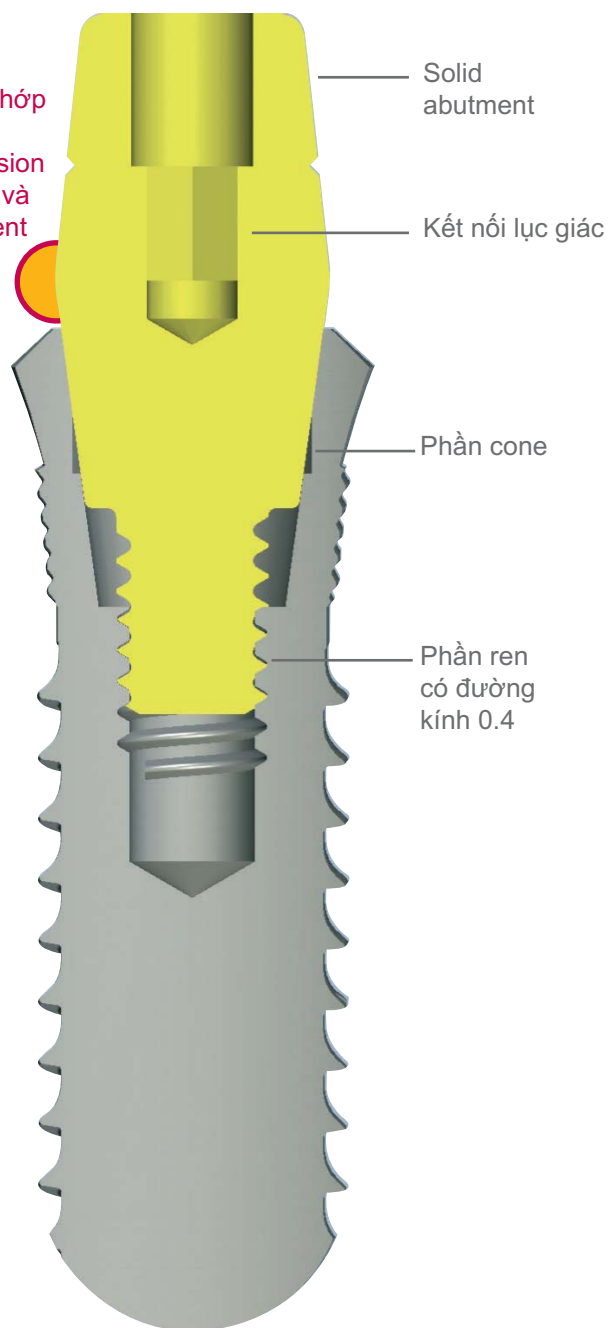
- Là quy trình chuẩn và nắp impression coping đã được xác định theo implant đảm bảo độ chính xác của quá trình lấy dấu cũng như sẽ cho ra một bản sao hoàn hảo của implant và abutment.
- Nắp impression coping được gắn dễ dàng vào vị trí nhô lên của abutment, mà không đặt trên bờ vai implant.
- Kỹ thuật viên có thể dễ dàng tháo nắp impression coping mà không có ảnh hưởng đến sự phục hình và tạo nên sự chính xác giữa implant và phục hình.

LẤY DẤU

Dễ dàng đặt impression coping mà không cần dùng lực



Vùng khớp của impression coping và abutment



QUI TRÌNH KHÔNG CẦN ĐIỀU CHỈNH ABUTMENT

Có 2 dạng impression coping thích hợp với mọi ca lâm sàng:

- Một dạng tương ứng với solid abutment, được sử dụng cho abutment mà không cần điều chỉnh
- Một dạng impression coping hờ dùng trong trường hợp cần điều chỉnh abutment. Trong trường hợp này không thể sử dụng analog, do đó việc đổ mẫu thạch cao trực tiếp trên dấu (không dùng analog). Kỹ thuật này chỉ dùng cho phục hình 1 răng. Trong ca phục hình nhiều răng, lựa chọn abutment với chiều cao chính xác mà không cần điều chỉnh, hoặc sử dụng abutment vận ốc (xem trang 35).

QUI TRÌNH

- ➊ Lựa chọn chiều cao abutment (4 – 5.5 – 7mm).
- ➋ Lấy dấu với nắp impression coping tương ứng trên abutment.
Ấn nhẹ để đặt impression coping vào abutment. Sau đó, bơm cao su phủ đầy impression coping và lấy dấu. Kỹ thuật này giúp lấy dấu chính xác hình dạng của implant.
- ➌ Lấy khay lấy dấu ra và gắn analog (có cùng mã màu với abutment và impression coping) vào impression coping trong khi lấy dấu. Gắn analog đúng vị trí tạo nên cảm giác ăn khớp.
- ➍ Gắn nắp bảo vệ lên solid abutment.

➋ Lấy dấu trên solid abutment (không cần điều chỉnh)



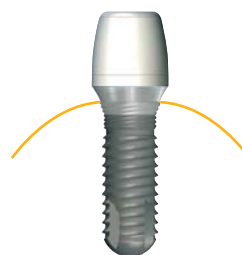
➊ SOLID ABUTMENT



CÁC BƯỚC TRONG LABO

- ➐ Đổ mẫu thạch cao.
- ➑ Gắn nắp nhựa trên mẫu và làm sáp.
- ➒ Đúc sườn.
- ➓ Làm phục hình sứ.
- ➔ Lấy nắp bảo vệ trên implant, siết abutment vào implant với lực siết 35N.cm để đặt đúng vị trí ban đầu.

➍ NẮP BẢO VỆ



➎



Gắn nắp vào



QUI TRÌNH TRÊN ABUTMENT ĐÃ ĐIỀU CHỈNH

Khi abutment đã điều chỉnh sẽ không thể lấy dấu chính xác 100%. Vì thế nên dùng cho phục hình đơn lẻ vì kỹ thuật này không đạt được độ chính xác cao.

- 1 Lựa chọn chiều cao abutment (4 – 5.5 – 7mm)
- 2 Lấy dấu với impression coping hồ tương ứng trên abutment. Ấn nhẹ để đặt impression coping vào abutment. Sau đó, bơm cao su phủ đầy impression coping và lấy dấu. Kỹ thuật này giúp lấy dấu chính xác hình dạng của implant.

LẤY DẤU
trên abutment đã điều chỉnh



1
SOLID ABUTMENT

Siết với lực 35N.
cm với khóa vặn
lực giác

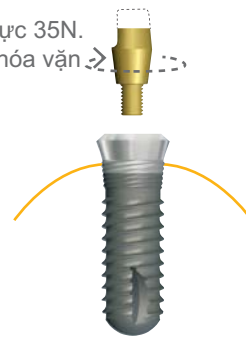
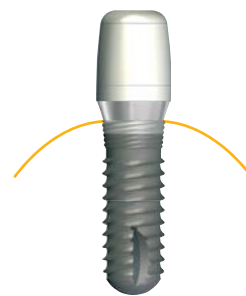


Photo credit: Dr J. BOUCHET (France - 16)

CÁC BƯỚC TRONG LABO

- 3 Lấy khay lấy dấu ra.
- 4 Gắn nắp bảo vệ lên solid abutment.
- 5 Đổ mẫu thạch cao trực tiếp lên dấu.
- 6 Gắn nắp nhựa trên mẫu và làm sáp.
- 7 Đúc sườn.
- 8 Làm phục hình sứ.
- 9 Lấy nắp bảo vệ trên implant, siết abutment vào implant với lực siết 35N.cm để đặt đúng vị trí ban đầu.

4
NẮP BẢO VỆ



6

Gắn nắp vào



TRƯỜNG HỢP PHỤC HÌNH NHIỀU ĐƠN VỊ

Đòi hỏi phục hình phải có độ khớp chính xác để tránh lực căng kéo/gãy vỡ. Vì vậy chúng tôi khuyên nên sử dụng solid abutment với chiều cao thích hợp mà không cần điều chỉnh (càng ngắn càng tốt). Nếu không có abutment thích hợp nên sử dụng abutment vặn ốc để lấy dấu chính xác trên implant (xem trang 35).

QUI TRÌNH LÀM PHỤC HÌNH TẠM

➤ Có thể làm phục hình tạm trên nắp bảo vệ của solid abutment.



- 1 Chọn nắp bảo vệ tương ứng abutment.
- 2 Mài rãnh trên nắp bảo vệ để tăng độ lưu giữ và làm răng tạm.
- 3 Kiểm tra độ khớp với abutment
- 4 Gắn mào tạm bằng cement tạm.
- 5 Lấy cement dư ra.
- 6 Kiểm tra khớp cắn.

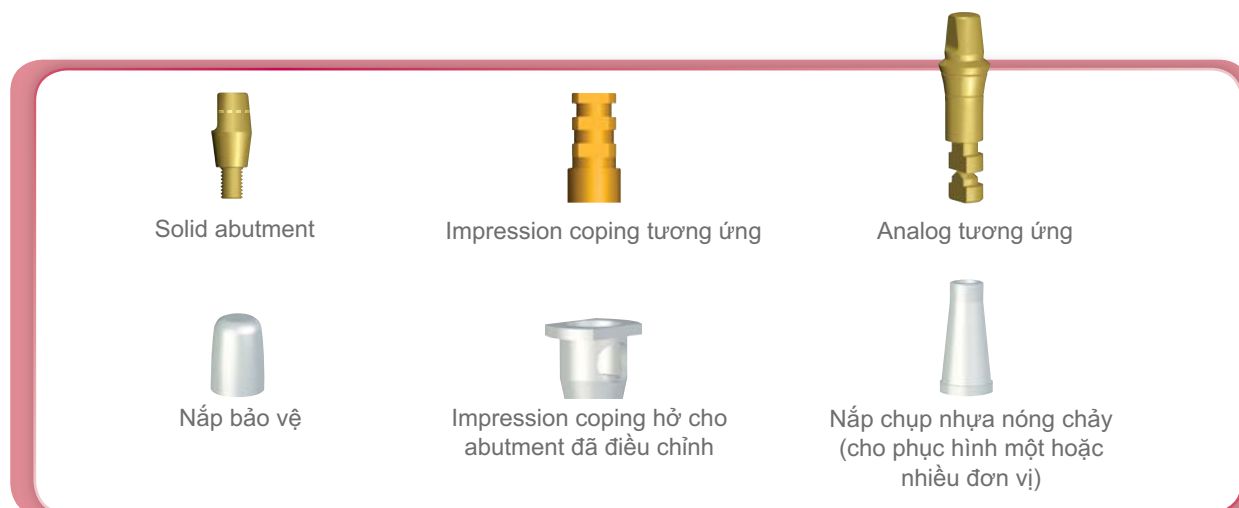
➤ Cũng có thể có thể làm mào tạm bằng nắp nhựa nóng chảy.

➤ Hoặc white impression coping hờ với qui trình như trên.



Bộ Solid Abutment

Một bộ bao gồm những bộ phận cần thiết cho phục hình gắn implant để tránh nhầm lẫn khi mua hoặc chọn lựa sản phẩm.



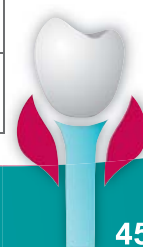
Bảng regular platform



Bảng wide platform










	Chiều cao 4 mm cho solid abutment	Chiều cao 5.5 mm cho solid abutment	Chiều cao 7 mm cho solid abutment	Chiều cao 4 mm cho solid abutment	Chiều cao 5.5 mm cho solid abutment
Phục hình 1 đơn vị	APS KIT R04	APS KIT R055	APS KIT R07	APS KIT L04	APS KIT L055
Phục hình nhiều đơn vị	APS KIT RC4	APS KIT RC55	APS KIT RC7	APS KIT LC4	APS KIT LC55



PHỤC HÌNH DÁN CEMENT TRÊN SOLID ABUTMENT WIDE PLATFORM



- Được làm từ titanium có mã màu.
- Nghiêng nhẹ 6 độ.
- Có thể vận ốc bằng tay (MS: CCL HE 12 22) hoặc bằng máy (MS: CMA HE 12 26) với lực 35N.cm.
- Có thể điều chỉnh chiều cao của abutment đến đường vạch đã được khuyến cáo.

	h. 4 APS PP 65 40	h. 5.5 APS PP 65 55
	 2 mm ↓	 3,5 mm ↓
	 Vùng mài chỉnh	 Vùng mài chỉnh
Impression coping	<p>Sử dụng 1 lần</p>  <p>APS TCP 65 40</p>	<p>Sử dụng 1 lần</p>  <p>APS TCP 65 55</p>
Impression coping hở	<p>Sử dụng 1 lần</p>  <p>APS TCP 65</p> <p>Sử dụng cho abutment đã điều chỉnh. Có thể ăn khớp với 2 chiều cao khác nhau của abutment. Được làm bằng nhựa.</p>	
! Chỉ dùng cho phục hình 1 đơn vị.		
Analog dùng cho solid abutment	 <p>APS H 65 40</p>	 <p>APS H 65 55</p>
Được làm bằng nhôm có mã màu.		
Nắp bảo vệ	 <p>6.25</p> <p>APS CP 65 40</p>	 <p>7.7</p> <p>APS CP 65 55</p>
Được làm từ nhựa dẻo. Có độ gắn khớp. Dễ dàng tháo lắp.	<p>Vật liệu Mới</p>	
Nắp chụp nóng chảy	<p>Chống xoay</p> <p>Phục hình 1 đơn vị</p>  <p>APS BCO 65 70</p>	<p>Thông thường</p> <p>Phục hình nhiều đơn vị</p>  <p>APS BCC 65 70</p>

PHỤC HÌNH DÁN CEMENT TRÊN
SOLID ABUTMENT REGULAR PLATFORM



- Được làm từ titanium có mã màu
- Nghiêng nhẹ 6 độ.
- Có thể vận ốc bằng tay (MS: CCL HE 12 22) hoặc bằng máy (MS: CMA HE 12 26) với lực 35N.cm.
- Có thể điều chỉnh chiều cao của abutment đến đường vạch đã được khuyến cáo.

2 mm ↓



3,5 mm ↓



5 mm ↓



Vùng mài
chính

Vùng mài
chính

h. 4
APS PP 48 40

h. 5.5
APS PP 48 55

h. 7
APS PP 48 70

Impression coping

Chỉ dùng cho abutment không điều chỉnh. Trong trường hợp abutment đã điều chỉnh thì sử dụng impression coping APS TCP 48

Sử dụng 1 lần



APS TCP 48 40

Sử dụng 1 lần



APS TCP 48 55

Sử dụng 1 lần



APS TCP 48 70

impression coping hồ



Chỉ dùng cho phục hình 1 đơn vị

Sử dụng 1 lần



APS TCP 48

Sử dụng cho abutment đã điều chỉnh.
Có thể ăn khớp với 2 chiều cao khác nhau của abutment.
Được làm bằng nhựa.

Analog

dùng cho solid abutment

Làm bằng nhôm có mã màu.



APS H 48 55



APS H 48 70

Nắp bảo vệ

Được làm từ nhựa dẻo.
Có độ gắn khớp.
Dễ dàng tháo lắp.

Vật liệu Mới



5.8



APS CP 48 40

Vật liệu Mới



7.2



APS CP 48 55

Vật liệu Mới



8.8



APS CP 48 70

Nắp chụp nóng chảy

Chống xoay

Phục hình 1 đơn vị.



APS BCO 48 100

Thông thường

Phục hình nhiều đơn vị.



APS BCC 48 100

